

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 16/7/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1322/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025, của Toà án nhân dân khu vực 11 – An Giang; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: số A, đường L, ấp T, xã C, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây số A, đường L, khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang).

Người đại diện hợp pháp của ông Trịnh Văn T: Ông Phạm Trung B, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp P, xã C, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2024 được Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang) chứng thực; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Văn T uỷ quyền cho ông Phạm Trung B trình bày, do chỗ quen biết với bà Bích N nên vào ngày 23/12/2022 ông T có cho bà Bích N vay số tiền 9.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đạp điện, cách trả dần dần theo từng tháng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, sau đó bà Bích N không đóng lãi mà chỉ trả cho ông T số tiền 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.000.000 đồng bà Bích N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, ông T có đòi nhiều lần nhưng bà Bích N vẫn không thực hiện. Nay, ông Trịnh Văn T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay 6.000.000 đồng và yêu cầu tính suất từ ngày 23/12/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 16.7.2025.

- Bị đơn Nguyễn Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ, giấy căn cước công dân, đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Đại diện uỷ quyền cho nguyên đơn ông Trịnh Văn T là ông Phạm Trung B có văn bản xin vắng mặt nên không cung không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do chỗ quen biết với bà B1 nhỏ nên vào ngày 23/12/2022, ông T có cho bà Bích N vay số tiền 9.000.000 đồng, để mua xe đạp điện, hai bên chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3%/tháng và cách trả giảm dần theo từng tháng,

nhưng sáu đó bà N không thực hiện mà chỉ trả được cho ông T số tiền vốn 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.000.000 đồng bà N không trả cho đến nay. Nay ông T yêu cầu bà Bích N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn lại là 6.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 23/12/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm

Phía bà N nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện này.

Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, ông T cung cấp giấy đề nghị vay vốn ngày 23/12/2022 thể hiện rõ sự việc bà N có vay số tiền 9.000.000 đồng của ông T. Việc vay mượn giữa ông T và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho ông T, chỉ trả được số tiền là 3.000.000 đồng, nhưng khi ông T có yêu cầu trả số tiền vay còn lại thì bà N không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Trong quá trình hòa giải bà N vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày đối với nội dung khởi kiện của ông T. Do bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 6.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về lãi suất, do tại biên nhận các bên không có thỏa thuận lãi suất nên lãi suất căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Vĩnh T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Vĩnh T1 số tiền vốn gốc là 6.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, quyết định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Trịnh Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả số tiền vay 6.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích N có nơi cư trú ngụ ấp L, xã L, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở bà Nguyễn Thị Bích N được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Bích N vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Bích N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai, trình bày trong quá trình làm việc tại Toà án của người đại diện uỷ quyền cho ông T là ông Phạm Trung B và các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa ông T với bà Bích N có thỏa thuận với nhau việc vay tiền, ngày 23/12/2022 ông T có cho bà Bích N vay số tiền 9.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đạp điện, cách trả dần dần theo từng tháng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, sau đó bà Bích N không đóng lãi mà chỉ trả cho ông T số tiền 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.000.000 đồng bà Bích N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, ông T có đòi nhiều lần nhưng bà Bích N vẫn không thực hiện. Nay, ông Trịnh Văn T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay 6.000.000 đồng và yêu cầu tính suất từ ngày 23/12/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 16.7.2025.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bà Bích N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi ông T có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông T. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Bích N vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, trong quá trình làm việc ông B là người đại diện uỷ quyền cho ông T xuất trình chứng cứ là giấy đề nghị vay vốn giữa ông T với bà Bích N.

Như vậy, lời khai, trình bày của ông B là người đại diện cho ông T phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà ông T đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.*

Ông T yêu cầu bà Bích N có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 6.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 23/12/2022 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 16/7/2025.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà Bích N, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông T với bà Bích N cùng xác lập hợp đồng vay với nhau, mục đích để mua xe đạp điện, sau đó bà Bích N có trả được 3.000.000 đồng, số tiền còn lại bà Bích N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, mặc dù ông T có yêu cầu nhiều lần, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà Bích N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay 6.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình làm việc ông B là người đại diện cho ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 23/12/2022 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 16/7/2025, do đó số tiền được tính như sau:

Số tiền vốn vay là 6.000.000 đồng. Ngày 23/12/2022 đến ngày 16/7/2025 là 936 ngày x lãi suất 20%/năm = 3.120.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 9.120.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Trịnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn T số tiền vốn vay 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và số tiền lãi 3.120.000 đồng (ba triệu

một trăm hai mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 9.120.000 đồng (chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 456.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Trịnh Văn T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024175 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- An Giang) cấp ngày 26 tháng 02 năm 2025.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

